

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
Chuyên khoa I chuyên ngành Xét nghiệm Y học cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Xét nghiệm Y học cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Her*

- Ban Giám hiệu (đề b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I
CHUYÊN NGÀNH XÉT NGHIỆM Y HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 201 /QĐ-ĐHYD ngày 28 tháng 1 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Xét nghiệm Y học.*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Medical Laboratory*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I.*
6. Chuyên ngành đào tạo: *Xét nghiệm Y học.*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 60 72 04.*
8. Thời gian đào tạo: *2 năm (hệ tập trung) hoặc 3 năm (không tập trung).*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt.*
10. Hình thức đào tạo: *Hệ tập trung hoặc Không tập trung*
11. Danh hiệu văn bằng:
 - Tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Xét nghiệm Y học*
 - Tiếng Anh: *The First Level Specialist in Medical Laboratory.*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Sự phù hợp		
		Sứ mạng	Tầm nhìn	Luật Giáo dục
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓		✓

II. Kỹ năng				
PEO 2	Sử dụng được các máy xét nghiệm và thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm thường quy; một số xét nghiệm nâng cao và các qui trình quản lý chất lượng cơ bản trong phòng xét nghiệm.	✓		✓
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓		
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓

III. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phù hợp	
		Chung	Chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.		✓
PLO 2	Vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc các chuyên ngành Hóa sinh-Miễn dịch, Huyết học-Truyền máu, Vi sinh, Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh và Sinh học phân tử trong thực hiện xét nghiệm và biện luận kết quả xét nghiệm.		✓
II. Kỹ năng			
PLO 3	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật nâng cao thuộc các chuyên ngành Hóa sinh-Miễn dịch, Huyết học-Truyền máu, Vi sinh, Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh và Sinh học phân tử.		✓
PLO 4	Thực hiện đúng các qui trình quản lý chất lượng cơ bản trong phòng xét nghiệm.		✓
PLO 5	Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu.		✓

PLO 6	Vận hành được một số trang thiết bị, máy móc xét nghiệm		✓
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để tổ chức, quản lý và thực hiện xét nghiệm.	✓	✓
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	✓	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong hoạt động xét nghiệm	✓	
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	✓	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

PEO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
PEO 1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PEO 2			X	X	X	X	X	X	X	X
PEO 3			X	X	X	X	X	X	X	X
PEO 4							X	X	X	X

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện tuyển sinh

1. Yêu cầu về văn bằng: Cử nhân xét nghiệm, Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học, Cử nhân sinh học, Dược sĩ, Cử nhân hóa học, Bác sỹ đa khoa.

2. Yêu cầu về chuyên môn: Có chứng chỉ hành nghề hoặc có xác nhận thâm niên ít nhất 01 năm trong lĩnh vực xét nghiệm của cơ quan công tác đối với Cử nhân xét nghiệm, Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học, Dược sĩ, Bác sỹ đa khoa; Có chứng chỉ hành nghề hoặc có xác nhận thâm niên ít nhất 03 năm trong lĩnh vực xét nghiệm của cơ quan công tác đối với Cử nhân sinh học, Cử nhân hóa học.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.

4. Yêu cầu về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

2. Điều kiện tốt nghiệp

1. Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.

2. Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

3. Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình đào tạo (Curriculum Structure)

1. Với hệ không tập trung (3 năm - 6 kỳ học)

TT	Mã số	Học phần	Số TC (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP tiên quyết	Mã HP học trước	Mã HP song hành	Kỳ học
				LT	TH	Tự học				
I	Khối kiến thức chung: 6 (8,6)									
1	HCTH3013	Triết học	3	45	0	105				1
2	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3	45	0	105				1
III	Khối kiến thức cơ sở ngành: 10 (14,3)									
3	XNTC3214	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm	4	30	60	110				1
4	XNDB3212	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm	2	15	30	55				1
5	XNSH3212	Sinh học phân tử và ứng dụng	2	15	30	55				2
6	XNKS3212	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	15	30	55				2
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 51 (72,9)									
Các học phần bắt buộc: 41 (58,6)										
7	XNHS34111	Hóa sinh- Miễn dịch	11	45	240	265				3
8	XNHH3418	Huyết học - Truyền máu	8	30	180	190				2
9	XNGP3417	Giải phẫu bệnh	7	30	150	170				4
10	XNVS3418	Vi sinh	8	30	180	190				5
11	XNKI3416	Ký sinh trùng	6	30	120	150				4
Các học phần tự chọn: 10 (14,3)										
12	XNVI3515	Vi sinh vật và ATVSTP	5	15	120	115	XNVS 3418			6
13	XNHI3515	Hóa sinh lâm sàng nâng cao	5	15	120	115	XNHS 34111			6
14	XNGH3515	Giải phẫu bệnh lâm sàng	5	15	120	115	XNGP 3417			6

15	XNHO3515	Huyết học nâng cao	5	15	120	11 5	XNHH 3418			6
16	XNTM3515	Truyền máu nâng cao	5	15	120	11 5	XNHH 3418			6
17	XNVN3515	Vi sinh lâm sàng nâng cao	5	15	120	11 5	XNVS 3418			6
18	XNGA3515	Giải phẫu bệnh nâng cao	5	15	120	11 5	XNGP 3417			6
19	XNHN3515	Hóa sinh-Miễn dịch nâng cao	5	15	120	11 5	XNHS 34111			6
VI	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 3 (4,3)									
20	XNTN3613	Tốt nghiệp	3	15	60	75				6
Tổng số			70 (100)							

2. Với hệ tập trung (2 năm - 4 kỳ học)

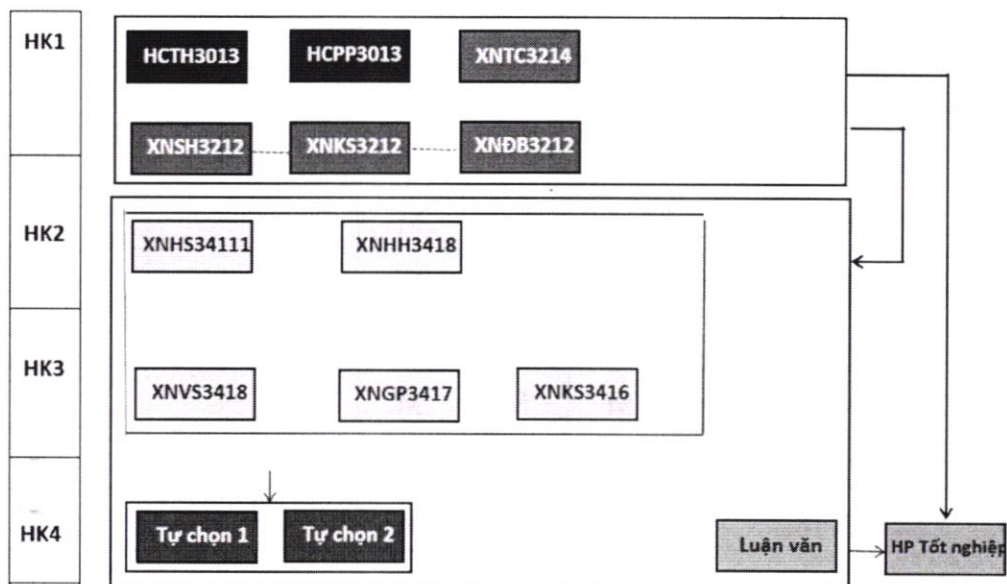
3	Mã số	Học phần	Số TC (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP tiên quyết	Mã HP học trước	Mã HP song hành	Kỳ học
				LT	TH	Tự học				
I	Khối kiến thức chung: 6 (8,6)									
1	HCTH3013	Triết học	3	45		105				1
2	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3	45		105				1
III	Khối kiến thức cơ sở ngành: 10 (14,3)									
3	XNTC3214	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm	4	30	60	110				1
4	XNDB3212	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm	2	15	30	55				1
5	XNSH3212	Sinh học phân tử và ứng dụng	2	15	30	55				1
6	XNKS3212	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	15	30	55				1
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 51 (72,9)									
Các học phần bắt buộc: 41 (58,6)										
7	XNHS3411 1	Hóa sinh- Miễn dịch	11	45	24 0	265				2
8	XNHH3418	Huyết học -	8	30	18	190				2

		Truyền máu			0					
9	XNGP3417	Giải phẫu bệnh	7	30	15 0	170				3
10	XNVS3418	Vi sinh	8	30	18 0	190				3
11	XNKI3416	Ký sinh trùng	6	30	12 0	150				3
Các học phần tự chọn: 10 (14,3)										
12	XNVI3515	Vi sinh vật và ATVSTP	5	15	12 0	115	XNVS 3418			4
13	XNHI3515	Hóa sinh lâm sàng nâng cao	5	15	12 0	75	XNHS 34111			4
14	XNGH3515	Giải phẫu bệnh lâm sàng	5	15	12 0	75	XNGP 3417			4
15	XNHO3515	Huyết học nâng cao	5	15	12 0	75	XNHH 3418			4
16	XNTM3515	Truyền máu nâng cao	5	15	12 0	75	XNHH 3418			4
17	XNVN3515	Vi sinh lâm sàng nâng cao	5	15	12 0	75	XNVS 3418			4
18	XNGA3515	Giải phẫu bệnh nâng cao	5	15	12 0	75	XNGP 3417			4
19	XNHN3515	Hóa sinh-Miễn dịch nâng cao	5	15	12 0	75	XNHS 34111			4
VI Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp 3 (4,3)										
20	XNTN3613	Tốt nghiệp	3	15	60	45				4
Tổng số			70							
			(100)							

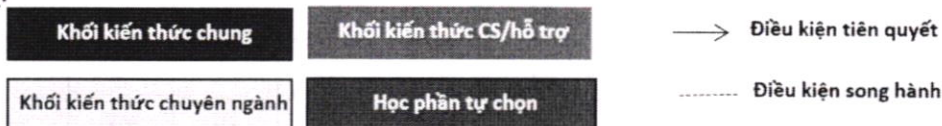
* Với các học phần tự chọn, học viên có thể chọn 02 học phần trong tổng số 08 học phần trên

VII. Tiến trình dạy học (Curriculum Mapping)

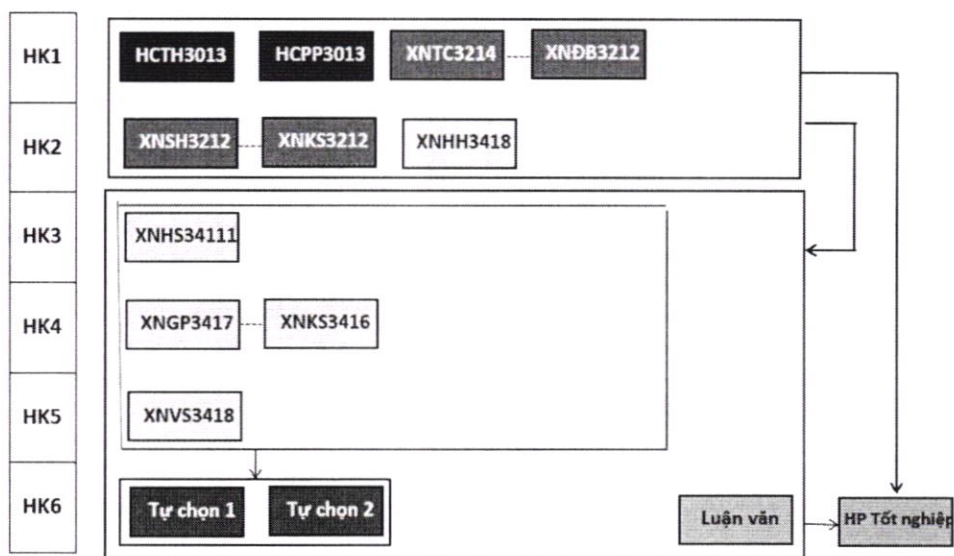
* Hệ tập trung



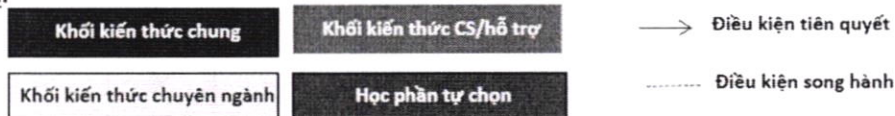
Ghi chú:



* Hệ không tập trung



Ghi chú:



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH3013	M									M
2	HCPP3013								M	M	M
3	XNTC3214	M			M			M	M	M	M
4	XNDB3212	M			M					M	M
5	XNSH3212		M	M	M	M				M	M
6	XNKS3212		M	M	M					M	M
7	XNHS34111		H	H	M			M		M	M
8	XNHH3418		H	H	M			M		M	M
9	XNGP3417		H	H	M			M		M	M
10	XNVS3418		H	H	M			M		M	M
11	XNKI3416		H	H	M			M		M	M
12	XNVI3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M
13	XNHI3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M
14	XNGH3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M
15	XNHO3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M
16	XNTM3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M
17	XNVN3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M
18	XNGA3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M
19	XNHN3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M
20	XNTN3515		H	H	H	M	M	H	M	H	M

IX. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp Dạy - Học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Thuyết trình	x	x						x	x	x	x
Thảo luận nhóm	x	x					x		x	x	x
Làm mẫu			x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực hành theo bảng kiểm			x	x	x	x	x	x	x	x	x

X. Phương pháp kiểm tra đánh giá

1. Hình thức, nội dung, tiêu chí và trọng số đánh giá

Hình thức đánh giá	PLO	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1,2	Điểm danh sự có mặt của người học trên lớp Nhiệt tình, hăng hái phát biểu, trả lời câu hỏi; Thực hiện đúng/đủ nội dung bài tập	10
KTTX (tự luận)	1,2	Thang điểm chuẩn	10
Thi GHP (chấm các bài thực hành)	1,2,3, 4,5, 6,7,8	Bảng kiểm thực hành	30
Thi KTHP (báo cáo chuyên đề)	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9, 10	Thời gian thực hiện báo cáo Chất lượng báo cáo	50

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trắc nghiệm	x	x					x	x	x	x
Viết tiểu luận	x	x					x	x	x	x
Báo cáo chuyên đề	x	x					x	x	x	x
TH theo bảng kiểm			x	x	x	x	x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐH Hồng Bàng		Trường ĐHYD Cần Thơ		Trường ĐH Y Dược TN	
	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	11	11,0	9	12,9	6	8,6
Kiến thức cơ sở ngành	24	24,0	12	17,1	10	14,3
Kiến thức chuyên ngành	55	55,0	25	35,7	41	58,6
Tự chọn	10	10,0	14	20,0	10	14,3
Tốt nghiệp	-	-	10	14,3	3	4,2
Tổng	100	100	70	100	70	100

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Số môn học tự chọn còn ít	Tăng cường các môn học tự chọn
Cựu học viên	Nên có những môn về vận hành máy móc xét nghiệm	Tăng cường kỹ năng vận hành máy móc xét nghiệm
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các môn học thực hành tăng lên

XII. Mô tả tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học - công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học

phần là báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào CĐR1,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào CĐR 8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

3. Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ gồm 4 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 1. Học phần này giúp học viên có năng lực thiết kế, tổ chức, quản lý phòng xét nghiệm và sử dụng một số phần mềm trong phòng xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 1,4,7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

4. Đảm bảo chất lượng xét nghiệm

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ gồm 2 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 1. Học phần này giúp học viên có năng lực tổ chức, quản lý phòng xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 1,4,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

5. Sinh học phân tử và ứng dụng

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ gồm 2 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 2. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Sinh học phân tử trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các

phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3, 4,5,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

6. Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ gồm 2 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 2. Học phần này giúp học viên thực hiện được việc kiểm tra, giám sát các quy trình vô khuẩn và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

7. Hóa sinh - Miễn dịch

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 11 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 3. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Hóa sinh - Miễn dịch trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy thuộc Hóa sinh - Miễn dịch trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3 (mức độ cao); 4,7,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

8. Huyết học - Truyền máu

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 8 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 2. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Huyết học - Truyền máu trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy thuộc Huyết học - Truyền máu trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3 (mức độ cao) và

CĐR 4,7,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

9. Giải phẫu bệnh

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 7 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Giải phẫu bệnh trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy thuộc Giải phẫu bệnh trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3 (mức độ cao) và CĐR 4,7,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

10. Ký sinh trùng

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 6 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về ký sinh trùng trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy thuộc ký sinh trùng trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3 (mức độ cao) và CĐR 4,7,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

11. Vi sinh

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 8 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 5. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Vi sinh trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy thuộc Vi sinh trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3 (mức độ cao) và CĐR 4,7,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

12. Vi sinh vật và an toàn vệ sinh thực phẩm

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 5 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Vi sinh vật và an toàn vệ sinh thực phẩm trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc Vi sinh vật và an toàn vệ sinh thực phẩm trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

13. Hóa sinh lâm sàng nâng cao

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 5 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Hóa sinh trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc Hóa sinh trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

14. Giải phẫu bệnh lâm sàng

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 5 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Giải phẫu bệnh lâm sàng trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc Giải phẫu bệnh lâm sàng trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học

phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

15. Huyết học nâng cao

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 5 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Huyết học nâng cao trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc Huyết học nâng cao trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

16. Truyền máu nâng cao

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 5 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Truyền máu nâng cao trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc Truyền máu nâng cao trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

17. Vi sinh lâm sàng nâng cao

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 5 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Vi sinh lâm sàng nâng cao trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc Vi sinh lâm sàng nâng cao trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao

gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

18. Giải phẫu bệnh nâng cao

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 5 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Giải phẫu bệnh nâng cao trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc Giải phẫu bệnh nâng cao trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

19. Hóa sinh - Miễn dịch nâng cao

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 7 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên vận dụng được kiến thức về Hóa sinh-Miễn dịch nâng cao trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm cũng như vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc Hóa sinh-Miễn dịch nâng cao trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.

20. Tốt nghiệp

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 3 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này giúp học viên có kiến thức và kỹ năng toàn diện về các lĩnh vực xét nghiệm hóa sinh, huyết học, giải phẫu bệnh, vi-ký sinh trùng. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận thực hành tay nghề, nhằm

đáp ứng CDR 2,3,4,7,9 (mức độ cao) và 5,6,8,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo CKI chuyên ngành Xét nghiệm y học.



XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có 61 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 01 giáo sư, 4 phó giáo sư, 17 tiến sĩ, 3 BSCK2. Học viên học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các labo các bộ môn và bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên cao học. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn).

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 05/2021

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát	Trưởng khoa/Bộ môn
1.	Rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra. Sát nhập đề cương LT với TH. Bổ sung các rubrics đánh giá	10/2021	 Nguyễn Thị Ngọc Hà	 Nguyễn Thị Ngọc Hà

XVI. Thành phần phê duyệt




HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

Ban Giám hiệu

Hội đồng Khoa/Bộ môn


Trịnh Xuân Đan

Tổ trưởng xây dựng/ rà soát


Nguyễn Thị Ngọc Hà

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH XÉT NGHIỆM Y HỌC

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022